

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Kế hoạch 219-KH/TU ngày 17/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 03/NQ-CP) và Kế hoạch số 219-KH/TU ngày 17/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Kế hoạch số 219-KH/TU), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 219-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đảm bảo phù hợp, khả thi và tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao trong thực tiễn.

- Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được xác định trong Kế hoạch này.

2. Yêu cầu

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phổ biến, quán triệt, triển khai nghiêm túc, sâu rộng các nội dung của Kế hoạch này đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân; phát huy vai trò của người đứng đầu trong quá trình chỉ đạo thực hiện; huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các tổ chức trong hệ thống chính trị, các thành phần xã hội và Nhân dân để thực hiện hoàn thành toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra theo Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tạo đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh và bền vững trong kỷ nguyên mới.

- Ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ mới vào thực tiễn công tác quản trị, các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh, tập trung trọng tâm vào ứng dụng công nghệ mới để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy các cấp; nâng cao giá trị của các ngành, lĩnh vực kinh tế, nhất là các ngành kinh tế mũi nhọn, trọng điểm và là thế mạnh của tỉnh; nâng cao chỉ số hài lòng và hạnh phúc của Nhân dân.

- Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng, bảo vệ thông tin, dữ liệu của tổ chức, cá nhân, không để lộ lọt thông tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước trong quá trình phát triển ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

2. Các mục tiêu chủ yếu

2.1. Đến năm 2030

(1) Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh đạt mức tiên tiến, thuộc nhóm các tỉnh có thu nhập trung bình khá trở lên.

(2) Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức bình quân chung của cả nước.

(3) Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%.

(4) Quy mô kinh tế số chiếm từ 20% GRDP trở lên.

(5) Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 6,8%.

(6) Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 20% trở lên.

(7) Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%.

(8) 100% dịch vụ công trực tuyến chỉ yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện.

(9) 100% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

(10) Tối thiểu 80% các dịch vụ thiết yếu xã hội (an sinh xã hội, y tế, giáo dục, điện, nước, viễn thông) thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

(11) Tối thiểu 80% giao dịch giải quyết thủ tục hành chính ở các cấp trên địa bàn tỉnh thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

(12) Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp.

(13) Xếp hạng chỉ số chuyên đổi số (DTI) của tỉnh duy trì trong TOP 15 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

(14) Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt khoảng 2% GRDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm khoảng 60%.

(15) Bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển.

(16) Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 08 người trên một vạn dân.

(17) Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16% - 18%/năm, trong đó tỷ lệ khai thác thương mại đạt 100%.

(18) 85% hộ gia đình sử dụng dịch vụ Internet băng rộng cáp quang.

(19) 100% xã, phường, thị trấn được phủ sóng mạng di động 5G.

(20) 100% hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị được dịch chuyển trên nền tảng điện toán đám mây.

(21) 100% hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt.

(22) 90% người dùng điện thoại, thiết bị thông minh được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chính quyền điện tử, đô thị thông minh.

(23) 95% người dân trưởng thành trên địa bàn tỉnh được cài đặt, sử dụng ứng dụng công dân số tỉnh Yên Bái (YenBai-S).

(24) Tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo cơ quan, đơn vị nhà nước đạt tối thiểu 25%.

2.2. Đến năm 2045

(1) Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thuộc nhóm các tỉnh phát triển khá trong vùng trung du và miền núi phía Bắc.

(2) Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GRDP.

(3) Thành phố Yên Bái và trung tâm các huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn đô thị thông minh.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Xây dựng, ban hành và tổ chức chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 03-NQ/CP; Kế hoạch số 219-KH/TU theo hướng: đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác phù hợp với đặc thù vùng miền, từng nhóm đối tượng cán bộ, người dân, doanh nghiệp.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các Quy định của cấp có thẩm quyền về trách nhiệm người đứng đầu trong các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hằng năm; về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung nhằm phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Định kỳ hằng năm đánh giá và công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước các cấp; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.

- Phát động phong trào phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp, nhà trường. Đổi mới hội thi sáng tạo khoa học và kỹ thuật tỉnh; hội thi Tin học trẻ tỉnh và các hội thi khoa học, kỹ thuật và chuyển đổi số khác theo hướng yêu cầu các sản phẩm dự thi phải có tính thực tiễn, sát với nhu cầu thực tế ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai ứng dụng các nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà để tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng công nghệ số cơ bản và nâng cao cho người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “*học tập số*” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng công nghệ số cơ bản và nâng cao trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.

- Tổ chức phát động phong trào thi đua “*Cán bộ và Nhân dân tỉnh Yên Bái chủ động, tích cực ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*” để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và toàn dân nhằm đẩy nhanh tiến trình cách mạng công nghiệp 4.0 trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức chương trình tôn vinh, khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu, đóng góp lớn cho sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Chủ động rà soát giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc về thể chế theo thẩm quyền; đồng thời kịp thời kiến nghị, đề xuất với cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản liên quan đến thể chế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách của Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số như: Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo; Luật Công nghiệp công nghệ số; Luật Giao dịch điện tử; Luật Viễn thông sửa đổi;...; cơ chế đặc thù về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công các sản phẩm là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ số; cơ chế tài chính, cơ chế thí điểm miễn trừ trách nhiệm trong thử nghiệm, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đơn giản hóa tối đa hồ sơ, thủ tục quản lý sử dụng và thanh quyết toán đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển đổi số, giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ gắn với cơ chế chia sẻ lợi ích từ kết quả nghiên cứu, ứng dụng; cơ chế, chính sách ưu đãi và đơn giản hóa thủ tục hành chính về đầu tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; quy định về việc thành lập và sử dụng các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo và chuyển đổi số;...

- Nghiên cứu tham mưu xây dựng, ban hành các văn bản lãnh đạo, cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của tỉnh như: Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án chuyển đổi số tỉnh Yên Bái giai đoạn 2026 - 2030...

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Tổ chức rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; sắp xếp lại các tổ chức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo.

- Xây dựng danh mục các lĩnh vực ưu tiên phát triển công nghệ, các dự án trọng điểm của tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thu hút đầu tư và huy động nguồn lực thực hiện.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tổ chức triển khai các chiến lược, chương trình, đề án phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

- Triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách: về hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng số hiện đại, công nghệ số chiến lược; khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số; thúc đẩy các lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo...

- Nghiên cứu tham mưu xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách: hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ; thu hút tổ chức, doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực chuyển đổi số, phát triển sản phẩm công nghệ số, công nghiệp an ninh mạng vào đầu tư tại tỉnh.

- Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn tỉnh, mạng thông tin di động thế hệ 5G và các thế hệ tiếp theo.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế số, xã hội số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; định kỳ đo lường, đánh giá và công bố công khai kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch đề ra.

- Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các khu, cụm công nghiệp của tỉnh; ứng dụng Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ mới khác trong hoạt động của ban quản lý, hoạt động các doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp và trong một số ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh như: nông nghiệp, năng lượng, thương mại, giao thông, y tế, giáo dục,...

- Tổ chức thực hiện và tuân thủ đầy đủ các chiến lược, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hạ tầng, về dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực theo quy định của cấp có thẩm quyền.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 09/7/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới; các chương trình, đề án, chính sách của Trung ương về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Tham mưu tổng kết, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết, chính sách của tỉnh về phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025¹, qua đó đề xuất ban hành các nghị quyết, chính sách mới về phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh giai đoạn 2026-2030, như: chính sách thu hút, trọng dụng, đãi ngộ, đào tạo, đào tạo lại cán bộ khoa học, công nghệ trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm, ưu tiên, có thế mạnh của tỉnh (công nghiệp chế biến, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái,...); chính sách thu hút nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao - có trình độ chuyên môn cao, sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ về làm việc, tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại tỉnh (chính sách về tiền lương, nhà ở, điều kiện làm việc...).

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; chú trọng phát hiện và thực hiện các chính sách của Nhà nước hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng tài năng STEM; quy hoạch và đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống trường chuyên, trường năng khiếu về khoa học tự nhiên.

- Tiếp tục đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh; chủ động hợp tác với các đại học uy tín trong nước đào tạo, bồi dưỡng nhân lực công nghệ số; xây dựng một số ngành đào tạo chuyên sâu về khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và một số công nghệ chiến lược khác tại các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh; triển khai nền tảng giáo dục - đào tạo trực tuyến, mô hình giáo dục đại học số, nâng cao năng lực công nghệ số của tổ chức, cá nhân trong toàn tỉnh.

- Tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách của cấp có thẩm quyền về ưu đãi thuế, tài chính để khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nguồn nhân lực công nghệ số; hợp tác công tư và cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia (Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu) trong đào tạo nhân lực công nghệ số.

¹ Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 20/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIX) về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025.

- Nghiên cứu, đề xuất nhu cầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số, công nghệ chiến lược đáp ứng nhu cầu nhân lực các ngành, lĩnh vực của tỉnh.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

- Tập trung xây dựng, phát triển chính quyền số theo chương trình, chiến lược xây dựng Chính phủ số của Trung ương; tiếp tục thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về xây dựng chính quyền số theo các kế hoạch, đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành.

- Triển khai phương án Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh kết nối với Trung tâm điều hành của Chính phủ phục vụ và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và ra quyết định của lãnh đạo tỉnh dựa trên dữ liệu; tăng cường tương tác giữa chính quyền và người dân giúp giảm quan liêu của bộ máy nhà nước; giám sát trực tuyến và toàn diện, kịp thời cảnh báo, phát hiện sớm để phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Điều phối đảm bảo liên thông, đồng bộ, an ninh, an toàn thông tin mạng và bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị.

- Rà soát, ban hành danh mục cập nhật và triển khai các nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh bảo đảm thống nhất, liên thông giữa các cấp, các ngành trên môi trường số; khai thác có hiệu quả dữ liệu dùng chung được chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia; xây dựng dữ liệu lớn của tỉnh bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) để khai thác sử dụng dữ liệu lớn đã tạo lập phục vụ công tác quản trị nhà nước, từng bước mở dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp khai thác sử dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổng rà soát về thủ tục hành chính, xây dựng và triển khai kế hoạch nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ công trực tuyến hằng năm; cải tiến, nâng cấp Cổng dịch vụ công tỉnh đảm bảo cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

- Hợp tác với doanh nghiệp trong việc phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư.

- Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số.

- Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

- Xây dựng văn hóa số cộng đồng, đồng thời giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam trên môi trường số; triển khai bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa để phát triển công nghiệp văn hoá; xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao; khuyến khích, thu hút đông đảo cộng đồng tham gia sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hóa số tích cực, lành mạnh và hướng thiện trên môi trường số; xây dựng, hoàn thiện và đưa vào khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu về văn hoá, di sản,...

- Triển khai quyết liệt các biện pháp, xử lý kịp thời và nghiêm các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương khi tham gia vào môi trường mạng.

- Triển khai nền tảng số nhằm giám sát và thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường; hệ thống thông tin địa lý; hệ thống giao thông thông minh; phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; phân tích, cảnh báo về nguy cơ quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.

- Đầu tư phát triển các hệ thống kỹ thuật có năng lực giám sát không gian mạng, giám sát các nội dung vi phạm pháp luật trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm; chủ động phát hiện, ngăn chặn kịp thời, hiệu quả các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

- Triển khai ứng dụng công nghệ số trong chỉ huy, điều hành tác chiến của lực lượng vũ trang; ngăn chặn có hiệu quả tội phạm trong lĩnh vực công nghệ số, phòng chống lừa đảo trên không gian mạng; xây dựng, phát huy sức mạnh thể trận chiến tranh Nhân dân, thể trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

- Triển khai các cơ chế, biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm mạng; củng cố lực lượng nòng cốt, kiêm nhiệm về an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng thực chiến cho các thành viên Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

- Triển khai có hiệu quả chính sách của Trung ương, đồng thời xây dựng chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

- Khuyến khích, thúc đẩy chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho doanh nghiệp; thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số, sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực như: nông nghiệp, công nghiệp chế biến, thương mại, tài chính, du lịch, giáo dục, y tế,...

- Tổ chức triển khai Bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp; sử dụng công cụ số để đánh giá trực tuyến mức độ chuyển đổi số của doanh nghiệp định kỳ theo quy định và công bố công khai kết quả đánh giá.

- Thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số; thu hút doanh nghiệp công nghệ đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh theo nguyên tắc: sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực tỉnh đang ưu tiên; có phát triển công nghiệp phụ trợ.

- Truyền thông thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, gia tăng tỷ trọng giao dịch thương mại điện tử của các ngành, lĩnh vực trong tổng tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ của tỉnh hằng năm.

- Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược để phát triển hạ tầng số, dẫn dắt chuyển đổi số; cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; cơ chế ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Nghiên cứu, hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với các tập đoàn, tổng công ty công nghệ và các địa phương trong nước, các địa phương của các quốc gia có trình độ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số phát triển, nhất là trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, bán dẫn và các công nghệ chiến lược khác.

- Có cơ chế hỗ trợ mua, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện của địa phương; thúc đẩy nâng cao năng lực và chuyển giao công nghệ của các doanh nghiệp trong tỉnh với các đối tác trong và ngoài nước.

- Học tập kinh nghiệm trong nước và quốc tế để vận dụng xây dựng các mô hình, triển khai các giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp, thiết thực và hiệu quả với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ (*Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh*) hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện; định kỳ trước

ngày 20/12 hàng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan, đơn vị ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cụ thể hóa nội dung Kế hoạch này để xây dựng Kế hoạch thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình (hoàn thành **trước ngày 15/3/2025**); định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ **trước ngày 15/12 hàng năm** để tổng hợp, xây dựng báo cáo chung của tỉnh, gửi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Chính phủ.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền, vận động thành viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đề ra trong Kế hoạch này; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình xây dựng và thực thi pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Trung ương, của tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Kế hoạch 219-KH/TU ngày 17/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc nội dung chưa rõ đề nghị phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giải quyết/.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- UB MTTQVN tỉnh và các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KHCN.

**T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Phước

Phục lục I
CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày 28 /02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	Hết năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	Ghi chú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
I	Mục tiêu đến năm 2030													
1	Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến, thuộc nhóm các tỉnh có thu nhập trung bình khá trở lên	Thứ bậc							Trung bình khá	Sở Khoa học và Công nghệ		Các sở, ban, ngành; địa phương		
2	Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức bình quân chung của cả nước	Thứ bậc							Bình quân chung của cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; địa phương		
3	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%.	%	49,8	50	51	52	53	54	55	Cục Thống kê	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; địa phương		
4	Quy mô kinh tế số chiếm từ 20% GRDP trở lên.	%	14,5	15	16	17	18	19	20	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; địa phương		
5	Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu	%	6,5	6,8							Sở Nội vụ	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; địa phương	
6	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt	%	10,7	11	12	14	16	18	20	Sở Công Thương	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; địa phương		
7	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt	%	53,4	55	60	65	70	75	80	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; địa phương		
8	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến chỉ yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện	%	100	100	100	100	100	100	100	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; địa phương		
9	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.	%	100	100	100	100	100	100	100	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; địa phương		
10	Các dịch vụ thiết yếu xã hội (an sinh xã hội, y tế, giáo dục, điện, nước, viễn thông) thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	%	70,0	72	74	76	78	79	80	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Y tế; Sở Giáo dục; Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; địa phương		

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	Hết năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THEO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	Ghi chú
11	Các giao dịch giải quyết thủ tục hành chính ở cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đạt	%	59,9	65	68	72	75	78	80	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; địa phương	
12	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo/trong tổng số doanh nghiệp đạt	%	1,7	5,8	11,6	14,5	20,2	28,9	40,1	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; địa phương; doanh nghiệp	
13	Xếp hạng Chỉ số chuyển đổi số (DTI) tỉnh Yên Bái duy trì trong TOP 15 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	TOP	15	Duy trì	Duy trì	Duy trì	Duy trì	Duy trì	Duy trì	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; địa phương; doanh nghiệp	
14	Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt khoảng 2% GRDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm khoảng 60%.												
14.1	Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt	%	0,2	0,33	0,49	0,81	1,22	1,46	2	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; địa phương	
14.2	Kinh phí từ xã hội chiếm khoảng 60% trong 2% GRDP	%	5	10	20	30	40	50	60	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; địa phương; doanh nghiệp	
15	Bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển.	%	0,8	3	3	3	3	3	3	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; địa phương	
16	Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 08 người trên một vạn dân.	Người /vạn dân	4,3	4,8	5,4	6,0	6,6	7,1	8,1	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; địa phương	
17	Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16% -18%/năm, tỷ lệ khai thác thương mại đạt 100%.												
17.1	Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình	%	13,0	14	14	15	16	17	16-18	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; địa phương	
17.2	Tỷ lệ khai thác thương mại đạt	%	100	100	100	100	100	100	100	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; địa phương	
18	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng dịch vụ Internet băng rộng cáp quang.	%	70,0	72	74	76	78	80	85	Sở Khoa học và Công nghệ		Các sở, ban, ngành; địa phương; doanh nghiệp	
19	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn được phủ sóng mạng di động 5G.	%	23,8	59,5	71,4	83,3	89,3	95,2	100,0	Sở Khoa học và Công nghệ		Các sở, ban, ngành; địa phương; doanh nghiệp	

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	Hết năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	Ghi chú	
20	Tỷ lệ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, huyện, xã được dịch chuyển trên nền tảng điện toán đám mây.	%	100	100	100	100	100	100	100	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; địa phương		
21	Tỷ lệ hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt.	%	100	100	100	100	100	100	100	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; địa phương		
22	Tỷ lệ người dùng điện thoại, thiết bị thông minh được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chính quyền điện tử, đô thị thông minh.	%	75,0	80	85	86	87	88	90	Sở Khoa học và Công nghệ		Các sở, ban, ngành; địa phương		
23	Tỷ lệ người dân trưởng thành trên địa bàn tỉnh được cài đặt, sử dụng ứng dụng công dân số tỉnh Yên Bái (YenBai-S).	%	75,0	80	85	90	91	92	95	Sở Khoa học và Công nghệ		Các sở, ban, ngành; địa phương		
24	Tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước đạt tối thiểu	%							25	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; địa phương		
II	Mục tiêu đến năm 2045		2045											
1	Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thuộc nhóm các tỉnh phát triển hàng đầu trong vùng trung du và miền núi phía Bắc.	Thứ bậc	Phát triển hàng đầu trong vùng trung du và miền núi phía Bắc								Sở Khoa học và Công nghệ		Các sở, ban, ngành; địa phương	
2	Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GRDP	%	50								Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; địa phương	
3	Hoàn thành xây dựng thành phố Yên Bái và trung tâm các huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn đô thị thông minh		Hoàn thành								Sở Khoa học và Công nghệ		Các sở, ban, ngành; địa phương	

Phụ lục II

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2025-2030

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I	Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
1	Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành và tổ chức chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về các nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 03-NQ/CP; Kế hoạch số 219-KH/TU theo hướng: Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác phù hợp với từng nhóm đối tượng cán bộ, người dân, doanh nghiệp	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; Báo Yên Bái; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Kế hoạch	03/2025
2	Xây dựng chương trình chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ; Báo Yên Bái; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Chương trình	Thường xuyên
3	Xây dựng Văn bản/Quyết định Quy định về trách nhiệm người đứng đầu trong các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; Quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hằng năm.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản/Quyết định của UBND tỉnh	Ngay sau khi Trung ương ban hành
4	Nghiên cứu xây dựng phương pháp/tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước các cấp; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quyết định	8/2025

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Kết quả	Thời gian hoàn thành
5	Tổ chức thực hiện Quy định của cấp có thẩm quyền về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung nhằm phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản đôn đốc	Ngay sau khi Trung ương ban hành
6	Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch	Hàng năm
7	Triển khai ứng dụng các nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà để tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản và nâng cao cho người dân, doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản Hướng dẫn thực hiện	Thường xuyên
8	Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản và nâng cao trong cán bộ, công chức và Nhân dân.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo	Chương trình, kế hoạch	Thường xuyên
9	Tổ chức phát động phong trào thi đua “Cán bộ và Nhân dân tỉnh Yên Bái chủ động, tích cực ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và toàn dân nhằm đẩy nhanh tiến trình cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trên địa bàn tỉnh.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản hướng dẫn thực hiện	Tháng 01/2026
10	Phát động phong trào phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong mọi cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản hướng dẫn thực hiện	Tháng 01/2026
12	Đổi mới Hội thi sáng tạo khoa học và kỹ thuật tỉnh Yên Bái; Hội thi Tin học trẻ tỉnh Yên Bái và các Hội thi khoa học, kỹ thuật và chuyển đổi số khác theo hướng sản phẩm dự thi phải có tính thực tiễn, sát với nhu cầu thực tế ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực của tỉnh.	Liên hiệp Hội khoa học kỹ thuật tỉnh Yên Bái; Tỉnh đoàn Yên Bái; các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện		Văn bản hướng dẫn thực hiện	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Kết quả	Thời gian hoàn thành
13	Tổ chức chương trình tôn vinh, khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu, đóng góp lớn cho sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện		Hàng năm
14	Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Kế hoạch kiểm tra, giám sát	Thường xuyên
II	Hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
1	Rà soát giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc về thể chế theo thẩm quyền; đồng thời kịp thời kiến nghị, đề xuất với cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản liên quan đến thể chế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản; kiến nghị đề xuất	Thường xuyên
2	Xây dựng các văn bản cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật thực hiện Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo; Luật Công nghiệp công nghệ số; Luật Viễn thông sửa đổi; Luật Năng lượng nguyên tử sửa đổi; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;...	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp; các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản cụ thể hóa, triển khai thực hiện	Sau khi các luật sửa đổi được ban hành
3	Xây dựng các văn bản cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật thực hiện Luật Ngân sách nhà nước sửa đổi; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi; Luật Thuế thu nhập cá nhân sửa đổi; Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi;...	Sở Tài chính	Sở Tư pháp; các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản cụ thể hóa, triển khai thực hiện	Sau khi các luật sửa đổi được ban hành
4	Xây dựng các văn bản cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo các lĩnh vực	Các Sở, ban, ngành	Sở Tư pháp	Văn bản cụ thể hóa, triển khai thực hiện	Sau khi các luật sửa đổi được ban hành

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Kết quả	Thời gian hoàn thành
5	Tham mưu xây dựng Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Nghị quyết	12/2025
6	Tham mưu xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp; các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Nghị quyết	12/2025
7	Tham mưu trình UBND tỉnh Quyết định ban hành Đề án chuyển đổi số tỉnh Yên Bái giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quyết định	12/2025
8	Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản cụ thể hóa, triển khai thực hiện	3/2025
9	Tổ chức rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; sắp xếp lại các tổ chức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện		Hàng năm
10	Xây dựng danh mục các lĩnh vực ưu tiên phát triển công nghệ, các dự án trọng điểm của tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thu hút đầu tư và huy động nguồn lực thực hiện.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quyết định ban hành danh mục	12/2025
III	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
1	Xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai các chiến lược, chương trình, đề án phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Kế hoạch/báo cáo thực hiện	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Kết quả	Thời gian hoàn thành
2	Triển khai các cơ chế, chính sách về hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng số hiện đại, công nghệ số chiến lược; khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số; thúc đẩy các lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo;...	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Kế hoạch/báo cáo thực hiện	Thường xuyên
3	Nghiên cứu tham mưu xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách: hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ; thu hút tổ chức, doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực chuyển đổi số, phát triển sản phẩm công nghệ số, công nghiệp an ninh mạng vào đầu tư tại tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Nghị quyết/Quyết định	8/2025-6/2026
4	Chỉ đạo, hướng dẫn phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn tỉnh, mạng thông tin di động thế hệ 5G và các thế hệ tiếp theo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản hướng dẫn, chỉ đạo	Thường xuyên
5	Tham mưu triển khai Kế hoạch của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 14/11/2023 và Kế hoạch số 231/KH-UBND ngày 16/11/2023 thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số, xã hội số giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; định kỳ đo lường, đánh giá và công bố công khai kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch đề ra	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Kế hoạch/báo cáo thực hiện	Thường xuyên
6	Tham mưu phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Kế hoạch/báo cáo thực hiện	Thường xuyên
7	Tư vấn, hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số trong các khu, cụm công nghiệp của tỉnh; ứng dụng Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ mới khác trong hoạt động của ban quản lý, hoạt động các doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp và trong một số ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh như: nông nghiệp, năng lượng, thương mại, giao thông, y tế, giáo dục,...	Các doanh nghiệp Viễn thông, CNTT trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Kế hoạch/báo cáo thực hiện	Thường xuyên
8	Tổ chức thực hiện và tuân thủ đầy đủ các chiến lược, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hạ tầng, về dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực theo quy định của cấp có thẩm quyền.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Kế hoạch/báo cáo thực hiện	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Kết quả	Thời gian hoàn thành
IV	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
1	Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 09/7/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới; các chương trình, đề án, chính sách của Trung ương về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản cụ thể hóa, triển khai thực hiện	Sau khi các chương trình, Đề án, chính sách được ban hành
2	Tham mưu triển khai có hiệu quả và tổng kết, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết, chính sách của tỉnh về phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025, như: Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 20/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIX) về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Báo cáo	9/2025
3	Tham mưu ban hành các nghị quyết, chính sách mới về phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh giai đoạn 2026-2030, như: chính sách thu hút, trọng dụng, đãi ngộ, đào tạo, đào tạo lại cán bộ khoa học, công nghệ trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm, ưu tiên, có thế mạnh của tỉnh (công nghiệp chế biến, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái,...); chính sách thu hút nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao - có trình độ chuyên môn cao, sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ về làm việc, tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại tỉnh (chính sách về tiền lương, nhà ở, điều kiện làm việc...).	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Nghị quyết/Quyết định	12/2025
4	Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; chú trọng phát hiện và thực hiện các chính sách của Nhà nước hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng tài năng STEM; quy hoạch và đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống trường chuyên, trường năng khiếu về khoa học tự nhiên.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ; các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản cụ thể hóa, triển khai thực hiện	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Kết quả	Thời gian hoàn thành
5	Đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh; chủ động hợp tác với các đại học uy tín trong nước đào tạo, bồi dưỡng nhân lực công nghệ số; xây dựng một số ngành đào tạo chuyên sâu về khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và một số công nghệ chiến lược khác tại các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh; triển khai nền tảng giáo dục - đào tạo trực tuyến, mô hình giáo dục đại học số, nâng cao năng lực công nghệ số của tổ chức, cá nhân trong toàn tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo; Trường Cao đẳng nghề; Trường Cao đẳng Yên Bái	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ; các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản cụ thể hóa, triển khai thực hiện	Thường xuyên
6	Tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách của cấp có thẩm quyền về ưu đãi thuế, tài chính để khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nguồn nhân lực công nghệ số; hợp tác công tư và cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia (Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu) trong đào tạo nhân lực công nghệ số.	Sở Tài chính; Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản cụ thể hóa, triển khai thực hiện	Thường xuyên
7	Tham mưu đề xuất nhu cầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số, công nghệ chiến lược đáp ứng nhu cầu nhân lực các ngành, lĩnh vực của tỉnh.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quyết định	3/2026
V	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh				
1	Tham mưu ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh hàng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Kế hoạch	Tháng 12 của năm trước
2	Tham mưu thực hiện và hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ về xây dựng chính quyền số theo Chương trình hành động số 15/CTr-UBND ngày 26/10/2021, Đề án Chuyển đổi số và các Kế hoạch, Chương trình của Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản cụ thể hóa, triển khai thực hiện	Thường xuyên
3	Tham mưu triển khai phương án Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh kết nối với Trung tâm điều hành của Chính phủ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản cụ thể hóa, triển khai thực hiện	11/2025

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Kết quả	Thời gian hoàn thành
4	Điều phối đảm bảo liên thông, đồng bộ, an ninh, an toàn thông tin mạng và bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị.	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản cụ thể hóa, triển khai thực hiện	11/2025
5	Tham mưu rà soát, ban hành danh mục cập nhật và triển khai các nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh bảo đảm thống nhất, liên thông giữa các cấp, các ngành trên môi trường số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quyết định	
6	Khai thác có hiệu quả dữ liệu dùng chung được chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Triển khai thực hiện	Thường xuyên
7	Xây dựng Cổng dữ liệu mở và kho dữ liệu dùng chung của tỉnh Yên Bái bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) để khai thác sử dụng dữ liệu lớn đã tạo lập phục vụ công tác quản trị nhà nước, từng bước mở dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp khai thác sử dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Hệ thống đi vào hoạt động	12/2025
8	Xây dựng hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh kết nối với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Hệ thống đi vào hoạt động	12/2025
9	Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị CNTT phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Mua sắm, nâng cấp	Thường xuyên
10	Xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện Kế hoạch nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, trong đó tập trung: Tổng rà soát về thủ tục hành chính, xây dựng và triển khai kế hoạch nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ công trực tuyến hàng năm; cải tiến, nâng cấp Cổng dịch vụ công tỉnh đảm bảo cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Kế hoạch	4/2025
11	Ký kết, hợp tác với doanh nghiệp trong việc phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Ký kết hợp tác và triển khai thực hiện	Thường xuyên
12	Xây dựng kế hoạch, lộ trình để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số hình thành công dân số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Kế hoạch	11/2025

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Kết quả	Thời gian hoàn thành
13	Xây dựng Kế hoạch và triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Kế hoạch	11/2025
14	Xây dựng Kế hoạch triển khai văn hóa số cộng đồng, đồng thời giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam trên môi trường số; triển khai bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Kế hoạch	11/2025
15	Xây dựng Kế hoạch thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa để phát triển công nghiệp văn hoá; xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao; khuyến khích, thu hút đông đảo cộng đồng tham gia sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hóa số tích cực, lành mạnh và hướng thiện trên môi trường số; xây dựng, hoàn thiện và đưa vào khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu về văn hoá, di sản,...	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Kế hoạch	11/2025
16	Xây dựng Kế hoạch triển khai các biện pháp, xử lý kịp thời và nghiêm các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương khi tham gia vào môi trường mạng.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Kế hoạch	11/2025
17	Xây dựng Nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Nền tảng số được triển khai	2026
18	Đầu tư phát triển các hệ thống kỹ thuật có năng lực giám sát không gian mạng, giám sát các nội dung vi phạm pháp luật trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm; chủ động phát hiện, ngăn chặn kịp thời, hiệu quả các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Hệ thống được triển khai	2026
19	Triển khai ứng dụng công nghệ số trong chỉ huy, điều hành tác chiến của lực lượng vũ trang; ngăn chặn có hiệu quả tội phạm trong lĩnh vực công nghệ số, phòng chống lừa đảo trên không gian mạng; xây dựng, phát huy sức mạnh thế trận chiến tranh Nhân dân, thế trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.	Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Nền tảng số được triển khai	2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Kết quả	Thời gian hoàn thành
20	Triển khai các cơ chế, biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm mạng; củng cố lực lượng nòng cốt, kiêm nhiệm về an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng thực chiến cho các thành viên Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh.	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Kế hoạch	2026
VI	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp				
1	Triển khai có hiệu quả chính sách của Trung ương, đồng thời xây dựng chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản cụ thể hóa, triển khai thực hiện	2025
2	Khuyến khích, thúc đẩy chuyên gia tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho doanh nghiệp; thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số, sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực như: nông nghiệp, công nghiệp chế biến, thương mại, tài chính, du lịch, giáo dục, y tế,...	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản cụ thể hóa, triển khai thực hiện	2025
3	Tổ chức triển khai Bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp; sử dụng công cụ số để đánh giá trực tuyến mức độ chuyển đổi số của doanh nghiệp định kỳ theo quy định và công bố công khai kết quả đánh giá.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản cụ thể hóa, triển khai thực hiện	2025
4	Xây dựng Kế hoạch và triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số;	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Kế hoạch	12/2025
6	Tham mưu ban hành Kế hoạch và tổ chức thực hiện truyền thông thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm giao dịch thương mại điện tử của các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% tổng tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ.	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Kế hoạch	9/2025
7	Kịp thời xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản cụ thể hóa, triển khai thực hiện	12/2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Kết quả	Thời gian hoàn thành
8	Tham mưu cơ chế ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản cụ thể hóa, triển khai thực hiện	2026
VII	Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
1	Xây dựng Kế hoạch hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với các tập đoàn, tổng công ty công nghệ và các địa phương trong nước, các địa phương của các quốc gia có trình độ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số phát triển, nhất là trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, bán dẫn và các công nghệ chiến lược khác.	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Kế hoạch	2025-2026
2	Tham mưu xây dựng cơ chế hỗ trợ mua, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện của địa phương; thúc đẩy nâng cao năng lực và chuyển giao công nghệ của các doanh nghiệp trong tỉnh với các đối tác trong và ngoài nước.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Nghị quyết/Quyết định	Theo hướng dẫn của Trung ương
3	Học tập kinh nghiệm trong nước và quốc tế để vận dụng xây dựng các mô hình, triển khai các giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp, thiết thực và hiệu quả với điều kiện thực tiễn của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn bản cụ thể hóa, triển khai thực hiện	Thường xuyên